

THÔNG TƯ số 124/2004/TT-BTC
ngày 23/12/2004 hướng dẫn
thực hiện quy định về việc
chuyển lợi nhuận ra nước
ngoài của các tổ chức kinh tế
hoặc cá nhân nước ngoài, có
lợi nhuận từ các hình thức
đầu tư quy định tại Luật Đầu
tư nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/11/1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 09/6/2000. Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11; Căn cứ quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài thu được từ việc tham gia đầu tư vốn dưới các hình thức quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư vốn theo các hình thức quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (dưới đây gọi chung là Nhà đầu tư nước ngoài), có lợi nhuận chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài.

Lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài hướng dẫn tại Thông tư này là:

- Lợi nhuận được chia hoặc thu được từ các hoạt động đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài;

- Lợi nhuận thu được do chuyển nhượng vốn sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Thu nhập là số thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn trả cho số lợi nhuận tái đầu tư hoặc nộp thừa, nay nhà đầu tư nước ngoài chuyển các khoản lợi nhuận đó ra nước ngoài.

II. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Thời điểm chuyển lợi nhuận ra nước ngoài:

Nhà đầu tư nước ngoài chuyển lợi nhuận ra nước ngoài trong các trường hợp sau:

1.1. Chuyển hàng năm và chuyển một lần toàn bộ số lợi nhuận được chia hoặc thu được sau khi kết thúc năm tài chính

và đã nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế.

1.2. Tạm chuyển ngay trong năm tài chính theo định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với Luật thuế TNDN (trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài được miễn thuế TNDN theo Luật Đầu tư nước ngoài, Luật thuế TNDN).

1.3. Chuyển lợi nhuận khi kết thúc hoạt động kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Xác định số lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài:

2.1. Lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài hàng năm: là số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài được chia của năm tài chính sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế theo Luật thuế TNDN, cộng với (+) các khoản lợi nhuận khác thu được trong năm như lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản, các khoản thuế TNDN đã nộp được hoàn trả lại cho nhà đầu tư theo Luật thuế TNDN; trừ đi (-) các khoản nhà đầu tư nước ngoài đã sử dụng hoặc cam kết sử dụng để tái đầu tư tại Việt Nam, các khoản lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài đã sử dụng để trang trải các khoản chi của nhà đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc cho nhu cầu cá nhân của nhà đầu tư tại Việt Nam, các khoản lợi nhuận đã tạm chuyển trong năm.

Số thu nhập nhà đầu tư được chuyển ra nước ngoài của năm tài chính được xác

định sau khi doanh nghiệp có báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo quyết toán thuế năm tài chính của doanh nghiệp nộp cho cơ quan thuế địa phương quản lý doanh nghiệp.

2.2. Lợi nhuận tạm chuyển ra nước ngoài hàng quý hoặc 6 tháng:

Số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài có thể được tạm chuyển ra nước ngoài hàng quý, 6 tháng ngay trong năm tài chính là số lợi nhuận được chia cho nhà đầu tư trên cơ sở báo cáo tài chính hàng quý hoặc 6 tháng của doanh nghiệp, tương ứng số lợi nhuận sau khi đã kê khai nộp thuế TNDN, trừ đi (-) số lợi nhuận đã sử dụng cho các mục đích khác của nhà đầu tư như: tái đầu tư, chi tiêu cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài đã tạm chuyển ra nước ngoài và chi tiêu tại Việt Nam trong năm tài chính nhỏ hơn số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài được chia sau khi kết thúc năm tài chính (được xác định theo điểm 2.1 trên đây) thì nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển tiếp ra nước ngoài phần chênh lệch chưa sử dụng hoặc chưa chuyển. Trường hợp số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài đã tạm chuyển ra nước ngoài và chi tiêu cho các mục đích khác tại Việt Nam lớn hơn số lợi nhuận được chia thì phải trừ vào số lợi nhuận được chuyển vào các kỳ tiếp theo.

2.3. Lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài khi kết thúc hoạt động tại Việt

Nam là tổng số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài thu được hợp pháp trong quá trình đầu tư tại Việt Nam sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế TNDN theo Luật thuế TNDN, trừ đi (-) các khoản lợi nhuận đã được sử dụng để tái đầu tư, các khoản lợi nhuận đã chuyển ra nước ngoài trong quá trình hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và các khoản đã sử dụng cho các chi tiêu khác của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã thực hiện quyết toán thuế TNDN và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài hàng năm thì nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyết toán thuế và xác định số lợi nhuận còn lại được chuyển ra nước ngoài khi kết thúc hoạt động.

3. Điều kiện để được tạm chuyển lợi nhuận ra nước ngoài:

3.1. Các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vốn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng, được tạm chuyển lợi nhuận ra nước ngoài định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng nếu đã thực hiện kê khai thuế TNDN của năm tài chính và đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý theo đúng quy định tại điểm 1 Mục II Phần D của Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính, hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế TNDN.

3.2. Các nhà đầu tư nước ngoài không

được tạm chuyển ra nước ngoài hàng quý hoặc 6 tháng như hướng dẫn tại Thông tư này trong các trường hợp:

- Lợi nhuận được chia của các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vốn tại các doanh nghiệp không thực hiện kê khai thuế TNDN của năm tài chính như nêu tại điểm 3.1, Mục II của Thông tư này;

- Số lợi nhuận được chia được xác định không phù hợp với các quy định của pháp luật về thuế, kế toán hiện hành của Việt Nam;

- Số lợi nhuận được chia của năm cuối cùng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động theo giấy phép đầu tư hoặc chấm dứt hoạt động theo quyết định của nhà đầu tư hoặc của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhà đầu tư nước ngoài khi làm thủ tục chuyển lợi nhuận ra nước ngoài phải lập Tờ khai chuyển lợi nhuận ra nước ngoài (ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cho Cơ quan thuế địa phương trực tiếp quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư.

Cơ quan thuế địa phương có trách nhiệm cung cấp xác nhận số thuế TNDN đã nộp liên quan đến số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài đề nghị chuyển ra

nước ngoài trong phạm vi 7 ngày làm việc, đối với các trường hợp tạm chuyển định kỳ, và 15 ngày làm việc, đối với trường hợp chuyển lợi nhuận hàng năm và khi kết thúc hoạt động. Xác nhận của cơ quan thuế được ghi trên Tờ khai chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

2. Cơ quan thuế không cung cấp xác nhận về số lợi nhuận nhà đầu tư đề nghị được chuyển ra nước ngoài đối với các trường hợp như nêu tại điểm 3.2, Mục II của Thông tư này và các trường hợp doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vốn vi phạm pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp.

Trường hợp không cung cấp xác nhận như trên, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư nước ngoài biết rõ lý do.

Đối với các khoản lợi nhuận của các doanh nghiệp không được xác định phù hợp với các quy định của luật thuế và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành về xác định doanh thu, chi phí, cơ quan

thuế quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp xác định lại phù hợp với quy định của luật thuế và các chuẩn mực kế toán hiện hành, trên cơ sở đó cơ quan thuế cung cấp xác nhận số thuế TNDN đã nộp liên quan đến số lợi nhuận có thể chuyển ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài.

3. Trên cơ sở xác nhận của cơ quan thuế về nghĩa vụ thuế đã thực hiện và số lợi nhuận có thể được chuyển ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài, ngân hàng mà nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản sẽ thực hiện yêu cầu chuyển lợi nhuận được chia của nhà đầu tư ra nước ngoài.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh với Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

Phụ lục

(ban hành kèm theo Thông tư số 124/2004/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2004).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI CHUYỂN LỢI NHUẬN RA NƯỚC NGOÀI**

1. Tên tổ chức, cá nhân nhà đầu tư nước ngoài:.....
Quốc tịch:
2. Tham gia đầu tư vốn tại doanh nghiệp:
Theo giấy phép đầu tư số..... ngày
3. Địa chỉ trụ sở điều hành chính của doanh nghiệp:
.....
4. kê khai thu nhập thu được:
 - Từ cơ sở kinh doanh A:
 - Năm:
 - Năm:
 - Từ cơ sở kinh doanh B:
 - Năm:
 - Năm:
5. Số thu nhập đã sử dụng:
 - Đã chuyển ra hoặc giữ lại ở nước ngoài kỳ trước:.....
 - Đã tái đầu tư tại Việt Nam:
 - Đã sử dụng vào mục đích khác:
6. Số thu nhập đề nghị chuyển ra nước ngoài lần này:
bằng tiền (của nước nào)... hoặc bằng hiện vật (tên hàng hóa, khối lượng).
Nếu chuyển bằng tiền, được rút ra từ tài khoản số..... mở tại Ngân hàng.....
Cam đoan những lời khai trên đây là chính xác và đúng sự thực.

Ngày..... tháng..... năm...

Người khai

(Ký tên)

Xác nhận của cơ quan thuế:

- Nhà đầu tư đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến số thu nhập đề nghị được chuyển ra nước ngoài
- Số thu nhập được phép chuyển ra nước ngoài

Ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục thuế tỉnh, thành phố.....

Ký tên, đóng dấu